

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 38

Kinh Phật thuyết Đại Khổng Tước Minh Vương - ba quyển - Tuệ Lâm soạn.

Kinh Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương - ba quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Hải Long Vương - bốn quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân - sáu quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Vân Thỉnh Vũ - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ - hai quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân Thỉnh Vũ - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Đại Vân Thỉnh Vũ - hai quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Kim Cang Quang Diễm Chỉ Phong Vũ - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Át Lỗ Trà Vương Thần chú - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Phước Tích La Hiết Nã Đà-la-ni - Tuệ Lâm.

Kinh Đại Dược Lỗ Nã Vương - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Đại Giáo Vương Kim Cang Sí Điểu Vương Khổng - Tuệ Lâm.

Kinh Súc Sanh Vô Lượng Ngôn Trì - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh A-nan-đà Mục Khứ Ni-khả Li Đà - Tuệ Lâm.

Kinh Xá Lợi Phất Đà-la-ni - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Vô Lượng Môn Vi Mật Trì - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh Nhất Hương Súc Sanh Bồ tát - một quyển - Huyền Ứng.

Kinh A-nan-đà Mục-khức Ni-ha-lê Đà-la-ni - Huyền Ứng.

Kinh Súc Sanh Vô Biên Môn Đà-la-ni - Tuệ Lâm.

Kinh Súc Sanh Vô Biên Môn Đà-la-ni - không.

Kinh Thắng Tràng Tý Ấn Đà-la-ni - không.

Kinh Diệu Tý Ấn Tràng Đà-la-ni - không.

Kinh Vô Nhai Tế Trì Pháp Môn - một quyển - Tuệ Lâm.
 Kinh Hoa Tụ Đà-la-ni Chú - một quyển - Huyền Ứng.
 Tôn Thắng Sở Vấn Đà-la-ni - một quyển - Huyền Ứng.
 Kinh Sử Tử Phấn Tấn Bồ tát - một quyển - Tuệ Lâm.
 Kinh Kim Cang Thượng Vị Đà-la-ni - Tuệ Lâm.
 Kinh Lục Tự Chú Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
 Kinh Lục Tự Thần Chú Vương - một quyển - Tuệ Lâm.
 Kinh Kim Cang Tràng Đà-la-ni - một quyển - không.
 Kinh Như Lai Phương Tiện Thiện Xảo chú - một quyển - Huyền
 Ứng.
 Kinh Hoa Tích Đà-la-ni Thần Chú - Huyền Ứng.
 Kinh Trì Cú Thần Chú - một quyển - không.
 Kinh Đà-lân-ni Bát - một quyển - Tuệ Lâm, bên phải là ba mươi
 bảy kinh, năm mươi hai quyển đồng âm quyển này.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI KHỔNG TƯỚNG VƯƠNG CHÚ

Nghĩa Tịnh dịch - Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Mẫu chỉ: Ngược lại âm trên mạc bỏ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: ngón chân cái; chữ viết từ bộ thủ thanh mẫu.

Hú mặt: Ngược lại âm trên vu vũ. Quảng Nhã cho rằng: hú là nhỏ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: hấp nóng, âm áp, chữ viết từ bộ hỏa thanh hú âm hú đồng với âm trên, ngược lại âm dưới mấn bát. Cố Dã Vương cho rằng: mặt là bọt nước nổi trên mặt nước. Hứa Thúc Trọng cho rằng: mặt là mưa lớn thành lũ lụt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh mặt.

Thực diên giả: Ngược lại âm giữa là hâm diên. Sách Thuyết Văn cho rằng: diên là nước dãi trong miệng chữ viết từ bộ thủy thanh khảm, hoặc là viết chữ diên chữ cổ. Kinh văn viết chữ diên này, chữ cổ biến thể, khác bên trái và bên phải.

Thực di: Âm dưới là di. Sách Thuyết Văn cho rằng: di là nước mũi chảy ra, chữ viết từ bộ thủy thanh.

Yên hung: Ngược lại âm trên tiểu hiền. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: yên là cuống họng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng yên là yết hầu; chữ viết từ bộ nhục thanh yên. Ngược lại âm dưới húc cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: hung là ngực, chữ viết từ bộ bao, thanh hung. Kinh văn

viết từ bộ nhục viết thành chữ hung cũng thông dụng, âm bao là âm bao.

Bê thuyên: Ngược lại âm trên bình mễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài. Ngược lại âm dưới thuyên nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: eo bắp chân, chữ viết từ bộ nhục thanh đoan, âm đoan là âm đoan âm phi là âm phi.

Huyền tích: Âm trên là huyền, ngược lại âm dưới thất diệc. Sách Phương Ngôn cho rằng: huyền tích là bệnh trong bụng nổi bứu. Tự Thư cho rằng: đều không có chữ huyền này. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: khí kết lại làm bệnh bứu. Sách Khảo Thanh cho rằng: ăn quá nhiều làm bệnh tích. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: không tiêu, ngược lại no hơi làm bệnh huyền tích.

Nhất trí: Ngược lại âm trĩ dĩ, chữ viết dưới trong câu chơn ngôn, không câu chữ nghĩa.

Ê lệ: Âm trên là ế, âm dưới là lệ.

Điểm mê: Ngược lại âm mê bế.

Nhất trí: Ngược lại âm tri lý.

Trá đệ: Âm đệ, từ chữ nhất trĩ về sau đều là chữ trong chơn ngôn nhưng lấy âm không câu chữ nghĩa.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI KHỔNG TƯỚNG VƯƠNG CHÚ QUYỂN TRUNG

Tỏa lậu: Ngược lại âm trên tổ hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh thủng, sưng phù, chữ hình thanh, ngược lại âm dưới lâu đậu. Quách Phác cho rằng: lậu là bệnh ung thư. Sách Khảo Thanh cho rằng: mụn nhọt lâu ngày lở loét. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật thanh lâu, âm tật ngược lại âm nữ ách.

Trích phạt: Ngược lại âm trên trắc cách. Theo Mao Thi truyện cho rằng: trích là quả trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ ngôn thanh trích, ngược lại âm dưới phiên miệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao đến bộ ly, chữ lị từ bộ võng đến bộ ngôn viết theo bộ tứ đó là sai, viết lược.

Đồ huỳnh: Ngược lại âm dưới huỳnh huýnh, chữ hình thanh. Quảng Nhã cho rằng: huỳnh là đồ trang sức có màu sắc óng ánh, hoặc là viết từ bộ kim, hoặc là viết từ bộ ngọc đều thông dụng.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI KHỔNG TƯỚNG VƯƠNG CHÚ QUYỂN HẠ

Chuyên phụ: Ngược lại âm trên chuyên. Theo ý kinh dùng hình vuông mà nhỏ, ngược lại âm dưới là phụ, chữ viết từ bộ túc đến bộ phó. Theo ý của kinh văn chữ phụ đó là giẫm đạp lên đồng cỏ, đồng đất giống như đuôi chim khổng tước dựng đứng.

Hồ quỳ: Âm trên là hộ âm dưới là quĩ, gọi là đầu gối bên phải quỳ sát đất, hoặc là hai đầu gối quỳ dài biểu lộ rất cung kính.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚNG MINH VƯƠNG

Trước Khải Thịnh Pháp - Hưng Thiện Tam Tạng dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Cơ cần: Âm trên là cơ âm dưới là cần. Quảng Nhã cho rằng: ngũ cốc không có chín gọi là cơ, tức là đói, nay hoặc là dùng chữ cơ này. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phàm là rau cỏ có thể ăn được tên thông dụng là sơ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: rau mà không chín gọi là cần, ngũ cốc lương thực gọi là ba loại ngũ cốc mà không mọc lên được gọi là cần, hai chữ đều là chữ hình thanh.

Đàm âm: Ngược lại âm trên đàm cam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đàm là bệnh bên trong phổi có nước. Ngược lại âm dưới là ấp cấm. Theo chữ âm đó là bệnh, loại bệnh có đàm, lớn là đồng mà nhỏ thì khác. Theo sách Vận Thuyên cho rằng: cũng gọi là các loại bệnh đàm. Tự Thư cho rằng: đều không có hai chữ này.

Xà yết: Ngược lại âm trên xả giá, ngược lại âm dưới hiên yết, đều là chữ chánh thể. Quảng Nhã cho rằng: Đỗ Bá gọi là lại lạc tích để man yết. Đỗ Bá cho rằng: tên khác của con bò cạp. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ cửa ải giữa đông tây Tần Tấn gọi là loài côn trùng cắn thế gian là yết. Theo chữ yết đó là thông dụng bốn phương âm lại là âm thác âm lạc, ngược lại âm lan đất, âm độc là âm văn cổ viết chữ độc, âm chiết (T556) ngược lại âm tri liệt, âm để man ngược lại âm lạc giới.

Già tỏa: Âm trên là da. Sách Khảo Thanh cho rằng: gông cùm, hoặc là viết chữ già. Ngược lại âm dưới là thừa quả. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là ghi chép, chọn lấy. Sách Ngọc Thiên cho rằng: tỏa là cái vòng liên kết lại với nhau, cái vòng xích bằng kim loại chữ viết từ bộ kim thanh tỏa âm tỏa đồng với âm trên.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚNG MINH VƯƠNG QUYỂN TRUNG

Nhữ tư: Ngược lại âm trên là nô nhã tiếng Phạn.
 Văn đễ: Ngược lại âm trên vũ mãn tiếng Phạn.
 Yết thử: Ngược lại âm thanh lễ, tiếng Phạn.
 Nghiệt đạp bà: Ngược lại âm trên ngôn yết, âm kế là đàm lạp, tiếng Phạn, không cầu chữ nghĩa.
 Ngột đầu: Âm trên là ngột.
 Nhất dịch: Âm diệc.
 Bồ lạt nã: Ngược lại âm lan đất, tiếng Phạn.
 Sắc trạch: Ngược lại âm tích da tiếng Phạn.
 Nhị la: Ngược lại âm trên ni trí ngược lại âm dưới la khả.
 Trịch ca: Ngược lại âm trên tri cách tiếng Phạn.
 Nại la: Ngược lại âm nan trát tiếng Phạn.
 Nghiễn nã: Ngược lại âm trên ngôn khiển tiếng Phạn.
 Cử miệt la: Ngược lại âm văn bát chữ la chuyển đọc lưỡi cong lên tiếng Phạn.
 Thực tủy: Ngược lại âm tuy chủy.
 Thế thóa: Ngược lại âm trên thể kế ngược lại âm dưới thổ quá.
 Thực diên: Ngược lại âm tường diên. Kinh văn viết từ bộ thủy đến bộ thông dụng thường hay dùng.
 Thực di: Âm di.
 Ác khiêu: Ngược lại âm thiên diệu.
 Ác mạch: âm mạch.
 Đàm âm: Âm trên là đàm ngược lại âm dưới áp cấm đều bệnh.
 Nghê lỗ: Hai âm hợp, ngược lại âm trên ngẫu cử, tiếng Phạn tên của La sát nữ.
 Hấp nhờn tinh khí: Ngược lại âm trên hâm cấp, cũng là chữ hấp.
 Hám di: Ngược lại âm hàm cảm tiếng Phạn.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚNG MINH VƯƠNG QUYỂN HẠ

Mao diễn: Ngược lại âm tham cảm.
 Thước đễ: Ngược lại âm thương chước chữ viết từ bộ hỏa.

Tù phổ: Ngược lại âm trên nam giáp tiếng Phạn. Tuy không cầu chữ nghĩa nhưng e rằng, đọc đó âm còn nghi là sắc, bởi vậy hay lặp lại cho rõ ràng, đọc là giáp tù, miệng nhỏ lại thẳng ra đọc là đúng cũng âm là nã giáp. Bốn kinh vốn viết chữ nhiếp là chẳng phải, dùng sai chữ.

Khất la: Ngược lại âm trên ngân ngật, tiếng Phạn hoặc là viết chữ khất âm cũng đồng.

Phược nại: Ngược lại âm xán lạt cũng là âm sang lạt, tiếng Phạn không giải thích.

Ánh bệnh: Ngược lại âm y đĩnh bệnh kết hơi bị bấu cổ, cổ sưng phù lên.

PHÁP KHỔNG TƯỚNG VƯƠNG ĐẠO TRÀNG (Văn không khác có thể giải thích âm chữ.)

KINH HẢI LONG VƯƠNG - *Huyền Ứng soạn.* QUYỂN 1

An minh do sơn: tức là tu di sơn, cũng nói là mê lâu sơn. Nói cho đúng là tô mê lô sơn, đây dịch là ánh hào quang rực rỡ cũng nói là núi cao đẹp có phong cảnh đẹp.

Đàm nhiên: Ngược lại âm đồ cảm, đàm cũng giống như an tĩnh. Trong kinh văn viết chữ đàm ngược lại âm đồ đàm, đàm cũng có nghĩa là thâm sâu, người nước Sở gọi thâm sâu là đàm.

Quyên thích: Ngược lại âm ư duyên. Theo Thanh Loại cho rằng: quyên là buồn lo. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyên là tức giận.

KINH HẢI LONG VƯƠNG QUYỂN 2

Khuyết đình: Giữa hai hàng mi mắt. Thích Danh cho rằng: ở bên trong cánh cửa chính giữa hai hàng mi mà nhìn ra con đường. Nay giống như đây mà gọi tên vậy, nghĩa đường chính giữa.

Khào dã: Ngược lại âm khổ lao. Theo Thanh Loại cho rằng: khào là mông đất, âm đồn ngược lại âm đồ côn.

Tần dã: Ngược lại âm phò nhần. Lại viết chữ tần cũng đồng nghĩa. sách Thuyết Văn cho rằng: xương chậu. Tam Thương cho rằng: xương đầu gối.

Thân nặc: Lại viết chữ nặc này cũng đồng, ngược lại âm nữ lật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nặc là gần gũi thân cận, rất thân thiết với nhau. Thân nặc cũng giống như đến với nhau nhiều lần, qua lại nhiều lần.

Án nhiên: Ngược lại âm ô nhạn. Án cũng giống như là an. Sách Thuyết Văn cho rằng: án là bầu trời trong, cũng gọi là tươi tốt sum xuê.

Phồn duệ: Ngược lại âm pho cốn, phồn nhiều, nảy sinh ra rất nhiều, cũng gọi là phồn thịnh, âm dưới văn cổ viết chữ duệ cũng đồng ngược lại âm dư chế. Sách Thuyết Văn cho rằng: duệ là gấu quần áo, tức là phần viền của tà áo, phần lai của quần cũng gọi là con cháu, dòng dõi. Lấy nghĩa sau là con cháu nối dõi, chữ viết từ bộ y đến bộ duệ âm duệ, ngược lại âm nữ liệt.

KINH HẢI LONG VƯƠNG QUYỂN 3

Dật thái: Văn cổ viết chữ dệt này, nay lại viết chữ dệt. Lại cũng viết chữ dệt cũng đồng, ngược lại âm dữ nhất Thiên Thương Hiệt ghi rằng: dệt là phóng đảng, cũng gọi là nhàn rồi. Văn dưới viết chữ thái cũng đồng, ngược lại âm tha đại, gọi là ý tứ cũng gọi là thái độ cử chỉ của người, trạng thái.

Nghệ hoạch: Ngược lại âm hồ quách. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghệ là cái lưới liềm cắt lúa. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: cắt cỏ gọi là nghệ, cắt ngũ cốc gọi là hoạch. Mao Thi Truyện cho rằng: tháng mười là thu hoạch lúa.

KINH HẢI LONG VƯƠNG QUYỂN 4

Hấp khí: Văn cổ viết chữ hấp hai chữ tượng hình, nay viết chữ hấp cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nghi cập. Quảng Nhã cho rằng: hấp là uống vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn hơi thở vào, cũng gọi là dẫn khí nhập vào hơi thở.

Khuyến thuật: Ngược lại âm tư luật là một người thầy hướng dẫn khuyến dụ dạy dỗ đi đến con đường, cũng gọi là dẫn dắt, cùng nhau khuyên bảo. Kinh văn viết chữ tuất là lo buồn, nhận lãnh. Tuất chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tha tích: Ngược lại âm thiên hà. Ngược lại âm dưới là tử diệc gọi là tha đà kéo dài thời gian đáng vẻ cung kính khép nép, chữ tích đây là nên viết chữ tích này, ngược lại âm thất các, chữ tha là vấp ngã, không đúng nghĩa sai lầm.

KINH ĐẠI VÂN - *Huyền Ứng soạn.* QUYỂN 1

Kiên độ: Đây nói sai, nói cho đúng bà kiên bỉ, đây gọi là tụ tập. Đức Phật thời quá khứ sau này có khác họ, Ca-chiên-diên đạo Bà-la-môn, con người có phát khởi trí huệ. Trong kinh cũng có viết bát kiên độ.

Câu biện trà: Hoặc nói là cưu bàn trà, cũng nên nói cung bàn trà, gọi là cái bình rất giống trái bầu.

Chùy sách: Đây Giang nam thường hay dùng, thể chữ viết đúng là sóc ngược lại âm sơn trái. Bì Thương cho rằng: sóc là cây thương dài một trượng tám thước.

- **QUYỂN 2, 3** (*Đều không có chữ giải thích âm.*)

- **QUYỂN 4:**

Đầu để: Ngược lại âm đô lệ.

Đáp hề: Chữ viết đúng là hạp, ngược lại âm thổ hợp.

Xúc tháp: Ngược lại âm đường hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng:

tháp là giãm đạp lên. Kinh văn viết chữ bí, ngược lại âm bổ tất. Sách Phương Ngôn cho rằng: bí là đẩy ra ở Nam Sở gọi cùng nhau nắm kéo ra gọi là bí. Quảng Nhã cho rằng: bí là đánh.

- **QUYỂN 5, 6** (Điều không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH ĐẠI VÂN THỈNH VŨ

Xà-na trước dịch một quyển - Huyền Ứng soạn.

Tích chí: Ngược lại âm tỳ diệc.
 Hê chí: Ngược lại âm ô hề hương lợi.
 Kỳ di: Ngược lại âm khứ nghi.
 Thê đạ: Ngược lại âm tha kế.
 Yểm bà: Ngược lại âm ô cảm.
 Sa câu: Ngược lại âm sở da.
 Già nam: Ngược lại âm nữ hàm.
 Duệ nhu: Ngược lại âm dư thế nhi chú hai âm.
 Tát tu: Ngược lại âm chi nhẫn.
 La thiêu: Ngược lại âm thị nhiều.
 San chu: Ngược lại âm sở gian.
 Tự tự: Ngược lại âm nhi dũng.
 Thi lợi: Ngược lại âm hương y.
 Để để: Ngược lại âm đình lễ.
 Đài phù: Ngược lại âm đồ lại.
 Thám thám: Ngược lại âm sĩ lâm.
 Nỉ na: Ngược lại âm nãi khả.

KINH ĐẠI VÂN LUÂN THỈNH VŨ

Na Liên Đề dịch - Huyền Ứng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Hảo mị: Ngược lại âm dân tỳ.
 Tỳ lợi: Ngược lại âm bổ mị.
 Phù hoạn: Ngược lại âm phương lưu.

Kham tiết: Ngược lại âm chư kim, ngược lại âm dưới là bổ kế.
 Trung trung: Ngược lại âm lặc trung.
 Nhu ba: Ngược lại âm nữ cứu.

- **QUYỂN HẠ** (Không có chữ giải thích âm.)

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẰNG VÔ TƯỚNG ĐẠI VÂN THỈNH VŨ
Xa-na hậu dịch - Huyền Ứng soạn.

Ân thanh: Lại viết chữ phiêu ân hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ư cận. Thông dụng, văn thường hay dùng cho rằng: tiếng sấm sét gọi là ân. Bì Thương cho rằng: tiếng nổ lớn phân ân từ tượng thanh.

Tư vị: Văn cổ viết chữ tư hai chữ tư tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tử di, gọi là tăng trưởng có lợi ích, thấm ướt. Văn kinh viết từ bộ khẩu viết chữ tư sa. Lại cũng viết chữ tư, ngược lại âm tự tư tử tư hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tư là miệt mài chăm chỉ, hoặc viết chữ tư cũng nghĩa chăm chăm siêng năng. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa Đông Sở anh em song sanh gọi là ly tư.

Sư sỉ: Ngược lại âm lặc ly.

Ế chí: Ngược lại âm sửu nhất.

Chiến cấm: Ngược lại âm kỳ cấm, mùa đông rất lạnh run lập cập. Kinh văn viết chữ cấm chẳng phải thể chữ.

Đàm bệ: Ngược lại âm đồ cảm.

La tiết: Ngược lại âm bổ bố.

Chỉ lợi: Ngược lại âm cư chỉ.

Ế lệ: Ngược lại âm hư cơ. Kinh viết chữ hư là chẳng phải.

Lô tỷ: Ngược lại âm sở kỳ.

Đê ca: Ngược lại âm đô hề.

KINH ĐẠI LUÂN THỈNH VŨ
(Chùa Hưng Thiện Bất Không Tam Tạng dịch - Tuệ Lâm soạn.)
QUYỂN THƯỢNG

Ô ba: Ngược lại âm ô cổ tên Long vương.

Chú vũ: Ngược lại âm chu thụ. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: mưa thuận mùa, giống như tưới nước cho vạn vật, không nơi nào nào không không tươi tốt, không vật nào mà không tươi tốt, không vật nào mà không sanh trưởng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh chú âm chú đồng với âm trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ vũ là chữ tượng hình.

Loa phát Long vương: Ngược lại âm lỗ hòa, cuộn tóc của Long vương đây giống như con sò, giống xoắn tròn giống như con ốc sên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ loa từ bộ trùng thanh loa ; chữ loa từ bộ vong đến bộ khẩu đến bộ nhục đến bộ phạm. Ngược lại âm lực ngọa. Trong kinh văn phần nhiều viết chữ loa văn thường hay dùng, các chữ trong sách đều không có.

Ế la diệp: Ngược lại âm y hề, cũng là tiếng Phạn, tên của Long Vương. Loài rồng hình giống như con ếch ương.

Nghiệt tha: Ngược lại âm thương hà tiếng Phạn.

Ninh mẫn: Ngược lại âm trên ninh đánh, ngược lại âm dưới nhĩ nhẫn cũng là tiếng Phạn, xưa gọi là ni dân chuyển dịch sai.

Giao long: Âm trên là giao. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: giao giống như con rắn, mà lại có bốn chân nhỏ, đầu nhỏ, cổ nhỏ có sọc trắng lớn, có hơn mười lần để trứng, sanh con lớn khoảng một hai cuốc, có thể nuốt cả người. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giao long, chữ viết từ bộ trùng, thanh giao dưới là chữ long. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài rồng có vảy, dài có thể màu sáng, có thể lớn, cổ nhỏ, có ngắn, có dài, xuân thì lên trời mùa thu thì tiềm dưới sông sâu, cũng có thể bay, chữ tượng hình, từ bộ đến bộ đồng thanh tĩnh.

Vân kích: Ngược lại âm kinh nghịch. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: kích là cây giáo, đây cũng tên của Long vương. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ kích từ bộ qua đến bộ kích, nay văn thường hay dùng viết từ bộ trắc là viết lược.

Ảnh kỳ la: Ngược lại âm trên ô lãng, âm dưới là kỳ, cũng là tiếng Phạn tên của Long vương.

Siểm điện: Ngược lại âm trên triêm nhiễm, âm dưới là điện ; chữ siểm điện đó nghĩa là tiếng nổ sấm sét, muốn phát trước khi bắn ra ánh

sáng. Trong quyển hạ, chữ siểm điện cùng với chữ siểm điện trên đều đồng một nghĩa.

Vân bạo: Ngược lại âm dưới là vuơ mạc. Bạch Hổ Thông cho rằng: bạo là nói hợp khí âm chuyên tinh ngưng đọng hợp làm mưa đá. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khí dương làm mưa, khí âm nổi lên hiệp lại làm ngưng đọng kết tụ mà làm mưa đá.

Đốt đốt: Ngược lại âm đốn một, đốt là lời nói tỏ ý kinh ngạc, chao ôi!

Tòng lâm: Ngược lại âm trên tộc công. Sách Thuyết Văn cho rằng: tòng là tụ tập lại, chữ viết từ bộ điệp thanh thủ, âm điệp ngược lại âm sĩ giác.

- **QUYỂN HẠ** (Không có chữ có thể giải âm.)

KINH KIM CANG QUANG DIỆM CHỈ PHONG VŨ ĐÀ LA NI

Tuệ Lâm soạn.

Ái đãi: Âm trên là ái âm dưới là đãi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: mây đen cuộn cuộn kéo tới che khuất mặt trời mặt trăng không có ánh sáng. Bì Thương cho rằng: tối tăm không có ánh sáng. Quảng Nhã và Bì Thương cho rằng: hoặc là viết từ bộ nhật viết thành chữ ái đãi. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ vân chữ hình thanh.

Lam liệt: Âm trên là, chữ lam đây các chữ trong sách đều không có, vốn tên núi ở phương Bắc, tức là lam châu, xuất xứ từ loại cây, cũng là ở phương Bắc lời nói của người Phiên. Sau này Ngụy Hiếu Xương từ nơi đây mà sắp bày. Núi Khả lam để chắn giữ thành, âm khả là âm khả, thành ở phía Tây có nhiều núi, gió rất mạnh. Nhân đây mà đặt tên núi, núi này tên là lam sơn. Trong sách viết ra chữ lam này đến đời Hậu Chu, nhân đây mà lấy tên khả lam trấn giữ thành, lần lần theo đây sửa đổi là lam châu. Trong Thái nguyên Tây Bắc Vận Thuyên truyện cho rằng: lam sơn phong. Âm dưới là liệt. Theo Thanh Loại cho rằng: gió rất mạnh gọi là liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệt là mưa gió bão bùng, gió mạnh mưa to; chữ viết từ bộ phong thanh liệt. Âm liệt ngược lại âm lân nhất viết từ chữ lợi.

Sậu chú: Ngược lại âm trên sâu xấu. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: sậu là mau chóng. Quảng Nhã cho rằng: chạy mau. Đổ Dự

chú giải Tả Truyện rằng: phóng nhanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngựa phi nhanh; chữ viết từ bộ mã thanh tụ. Ngược lại âm dưới chu thụ. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: mưa thuận mùa, như tưới nước, không vật nào mà không sinh trưởng tươi tốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa đúng mùa tưới nước cho vạn vật thêm sinh trưởng tốt tươi; chữ viết từ bộ thủy thanh chú, âm chú là âm thụ.

Tích lịch: Ngược lại âm trên sinh bích. Âm dưới là lịch. Cố Dã Vương cho rằng: tích lịch là tiếng sấm sét thành linh chấn động lớn. Sách sử ký cho rằng: khí âm dương chạm nhau phát tiếng chấn động. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ vũ, chữ hình thanh hoặc từ bộ thạch viết thành chữ tích lịch đều là thời cận đại, văn cổ không có.

Bát thập đoá: Ngược lại âm đương quả. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhánh cây rũ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: những bông hoa trên cành cây rũ xuống chữ đoá viết từ bộ mộc, chữ tượng hình, chữ thụ là rũ xuống cùng với chữ thụ này ý nghĩa cũng đồng, chẳng phải chữ văn thường hay dùng, chữ viết từ bộ đao là sai, viết lược.

Thốt bạo: Ngược lại âm thôn nột. Quảng Nhã cho rằng: thốt là tạm thời, bỗng nhiên. Theo Thanh Loại cho rằng: gấp gáp, vội vàng. Sách Khảo Thanh cho rằng: đột nhiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khuyến đến bộ thảo trong chữ bạo theo người từ bộ khuyến thanh tốt, ngược lại âm bao mạo. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bạo là mau chóng. Quảng Nhã cho rằng: thốt nhiên vụt đến. Sách Tập Huấn cho rằng: rất mau. Sách Thuyết Văn cho rằng: mau chóng có chỗ đến. Chữ viết từ bộ bán âm thao đến chữ bạo, thanh tĩnh. Theo chữ bạo từ bộ xuất đến bộ cũng đến bộ bán thanh tĩnh chữ hội ý.

Nhiên vi: Ngược lại âm trên quý điển. Theo sách Phương Ngôn cho rằng: nhiên là tiếp tục. Theo Thanh loại cho rằng: sai khiến khẩn cấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cầm nắm; chữ viết từ bộ thủy thanh nhiên.

Tổ niết: Ngược lại âm niên kiết. Bì Thương cho rằng: niết là tìm kiếm cầm nắm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: niết là đè nén, ấn xuống, cầm nắm; chữ viết từ bộ thủ thanh niết, âm niết đồng với âm trên, âm tỏa ngược lại âm trách giao, âm nại ngược lại âm nan đất, âm thám ngược lại âm tha hàm.

Miến sừ: Ngược lại âm trên miên biến. Cố Dã Vương cho rằng: trong nước Thục lấy cây nhỏ quán quít dưới gốc cây xay nhỏ làm bột miến. Sách Khảo Thanh cho rằng: bột mì. Sách Thuyết Văn cho rằng: bột lúa mạch; chữ viết từ mạch thanh miến. Âm miến ngược lại âm di

diễn. Kinh văn viết từ bộ diện là văn thường hay dùng, âm miến mạc. Ngược lại âm mấn bát, ngược lại âm dưới là sa hữu. Sách Khảo Thanh cho rằng: sừ là hòa trộn lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngâm vào trong nước; chữ viết từ bộ mễ viết thành chữ sừ, âm sừ ngược lại âm tảng hậu, văn thường hay dùng viết chữ sừ này là sai.

Mật mộc: Ngược lại âm trên dân tất. Bì Thương cho rằng: cây mật hương. Theo cây mật hương, giống như cây bạch đàn hương, có thể lấy cây chẻ ra để lâu ngày mới có mùi thơm, khi trong cây tiết ra mùi thơm gọi là mộc mật. Bởi vì trong cây rất lớn, muốn lấy mùi thơm của cây, tất nhiên phải để nhiều năm. Sách Văn Tự Điển nói rằng: cũng gọi là cây mộc hương; chữ viết từ bộ mộc thanh mật. Bốn kinh viết từ bộ tất viết thành chữ mật cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Trịch xúc hoa: Ngược lại âm trên là trình kích, âm kế là trùng lục. Trong bốn thảo cho rằng: loại hoa dương trịch xúc có độc rất nhiều, loại hoa này khi hái để ba tháng sau, hoa ngã màu vàng, hoặc là năm màu. Con dê ăn nhầm loại hoa này, từ từ mà chết. Bởi vậy nên có tên là hoa trịch xúc. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ túc, chữ hình thanh, hoặc là viết chữ trịch xúc này cũng thông dụng.

Ngô công: Âm trên là ngô, âm dưới công. Trong bốn thảo giải thích rằng: ngô công là loài côn trùng độc hại, có thể ăn thịt các loài rắn, sát hại các loài quỷ vật. Lão tinh my thường ở Giang nam đều có chỗ sanh ra trong cỏ mục nát, tính nói chống lại loài rắn, bò thẳng trên lưng rắn mà cắn, đầu nó màu đỏ, chân nó màu đỏ, cũng loại chân màu vàng nó cắn người đau nhức không chịu nổi, phải dùng lá dâu già nhỏ lấy nước, nước muối trộn vào với bùn đắp vào sẽ khỏi. Quảng Nhã cho rằng: con dế tức là con ngô công (con rít), lớn đó là hình dài 5-6 tấc, có hơn một trăm cái chân. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ trùng, chữ hình thanh.

Do diên: Âm trên là do âm dưới là. Sách Giai Uyển Chu Tông cho rằng: do viên là loài côn trùng độc cũng có nhiều chơn. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa từ quan ải đến nước Đông Tống, Ngụy gọi là con cuốn chiếu, đến Đông Lương Tống gọi là nhập nhĩ, Bắc Yến gọi là nhĩ ni. Lý Tuần chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: màu xanh mà lớn đó gọi là cuốn chiếu, màu vàng mà nhỏ đó gọi là nhập nhĩ. Người nước Tề gọi là con cũ cùng, người nước Triệu gọi là con phù du, hoặc gọi là trường chúc, đều là tên khác của con du diên, tức là con rít. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đều là chữ hình thanh. Dứ ly, ngược lại âm trên du ấu hoặc là viết chữ dứ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dứ là mũi ngẩng lên mà cái

đuôi nó thì dài. Quách Phác chú giải rằng: giống như con khỉ mà lớn hơn, lông màu xanh đen, đuôi dài hơn một thước khi chừ có mưa thì ở trên núi cao, lúc trời mưa để lộ mũi ra ngoài hướng lên trời để hứng nước mưa, cái đuôi nó đề trên mũi. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: viết chữ dữu, ngược lại âm dư tú. Từ bộ trùng, thanh truy. Theo chữ dữu là văn cổ viết chữ dữu này, từ bộ khuyến đếm âm miên là âm miên. Theo chữ cổ người viết chữ dữu này tức là chữ hội ý ngược lại âm dưới là ly, ngược lại âm li tri. Theo chữ ly này là người sống ở giữa hoang dã, giống như con thú, hình giống như mèo chồn miệng nó rất nhọn bén, đuôi thẳng, có đốm trắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại thú nằm ẩn trong hang, giống như con chó sói; chữ viết từ bộ trí thanh ly, âm khu ngược lại âm lạc câu. Ở Ấn Độ gọi là hồ ly, tức con chồn cáo, âm ly là âm ly. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ du từ bộ thủ viết thành chữ dữu, người dịch kinh đối viết như vậy. Trong sách đều chẳng phải bốn chữ, tự xuất ý mà viết vậy.

Hề thử: Ngược lại âm trên là hình kê. Cổ Dã Vương cho rằng: tức là cam khẩu thử là loài chuột hay ăn đồ vật của người và ăn loài chim thú, tuy đến chết mà cũng không đau bệnh chi cả, và cũng chẳng biết chi cả. Truyện Xuân Thu cho rằng: là con chuột nhất, nó hay ở trên sừng con trâu. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chuột nhỏ; chữ viết từ bộ thử thanh hề.

KINH KIM CANG QUANG DIỆM CHỈ PHONG VŨ

(Dịch lần thứ hai, chùa Hưng thiện Tam

Tạng Bất Không dịch - Tuệ Lâm soạn.)

Bác tru: Ngược lại âm trên bỏ mạt. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bác là cầm nắm. Theo Thanh Loại cho rằng: bắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bắt nắm lấy, tóm lấy; chữ viết từ bộ thủ đến bộ bác thanh tĩnh.

Thiết quyết: Ngược lại âm trên là thiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: hắc kim, kim loại đen, tức là chì; chữ viết từ bộ kim thanh thiết, âm thiết ngược lại âm điền kiết, ngược lại âm dưới là quyền nguyệt. Quảng Nhã cho rằng: quyết là cây cộc cột trâu. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: cây cộc cột trâu; chữ viết từ bộ mộc thanh quyết. Kinh văn viết chữ quyết này cũng thông dụng đồng nghĩa.

Mạn mạc: Ngược lại âm trên mản bán. Sách Khảo Thanh cho rằng: mạn là cái rèm che. Quảng Nhã cho rằng: màn để che ngăn cách trong phòng và ngoài căng ra che lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: mạc là màn che phía trên; chữ viết từ bộ cân thanh mạn, âm mạn là âm vạn, kinh văn viết từ bộ mịch viết thành chữ mạn là chẳng phải nghĩa đây dùng, ngược lại âm dưới man bác. Quảng Nhã cho rằng: mạc là bức trường vải hoặc lụa viết lời chúc mừng, hoặc chia buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: màn che trên gọi là mạc. Mạc giống như tấm vải màn che trùm trên xuống; chữ (T558) viết từ bộ cân thanh mạn.

Mao trai: Ngược lại âm dưới trắc giai: Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: trai là nghiêm chỉnh, ngay ngắn. Lại gọi là trai đó, đến chỗ sạch sẽ tinh khiết. Theo chữ mao trai đó là nhà tranh sạch sẽ, tẩy rửa tâm thanh khiết, nghiêm sạch, giảng đạo, tịnh tự là nơi để an thân, tu học, cũng gọi là nơi thiết cơm chay để cúng dường tăng nhân. Sách Thuyết Văn cho rằng: giữ tâm trong sạch, ngăn ngừa sẵn bậy; chữ viết từ bộ thị thanh tề.

Khế tức: Ngược lại âm trên hương nghệ. Theo Mao Thi truyện cho rằng: khế cũng là tức tức là nghỉ ngơi. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ tức đến bộ thiết chữ hội ý.

Thiếu sở: Âm trên là tửu do. Theo chữ thiếu đó là cái ao lớn của rồng, phần nhiều ở trên núi, rừng, vùng đất nhỏ hẹp trũng và ẩm thấp. Làm cái ao lớn sâu là chỗ thần rồng ở, nước rất sâu thăm thẳm, con người không dám xúc phạm đến, hoặc gọi là cầu phước rất linh thiêng, hoặc là có khi nổi lên sóng gió sấm sét, hoặc là giáng xuống trận mưa thuận mùa tưới ướt ruộng mạ. Tức là núi Tần vùng đất phân châu, có ao cầu thiếu vân dương, có dương ban thiếu, nam khô cốc thiếu v.v... là vậy; cũng là chỗ nơi núi rừng đều có.

Uyển chuyển: Ngược lại âm trên là uyển nguyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyển chuyển là nằm; chữ viết từ bộ tịch là giảm bớt nằm cho nên chữ viết từ bộ tiết âm tiết là âm chữ hội ý. Kinh văn viết từ bộ tức viết thành chữ uyển là chẳng phải.

Huy kích: Ngược lại âm trên là huy. Quảng Nhã cho rằng: huy là làm giao động. Sách Tự Cảnh cho rằng: hươ tay, múa gạt ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: làm lay động, rung động. Sách Thuyết Văn cho rằng: phẫn chấn; chữ viết từ bộ thủy thanh quân, ngược lại âm dưới kinh diệc. Văn thông dụng thường hay dùng; chữ chánh thể viết chữ kích. Quảng Nhã cho rằng: kích là gõ, dùng chày giả đập, bóc ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: đánh phá, ném. Cố Dã Vương cho rằng: đánh,

dùng chày đánh, đập, giã. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng tay đánh; chữ viết từ bộ thủ thanh kích, âm kích đồng với âm trên, âm xao, Ngược lại âm xảo giao. Chữ phấn dưới từ bộ điền, âm trùy ngược lại âm trực truy; chữ viết từ bộ mộc, âm xác ngược lại âm khổ giác, âm trùy ngược lại âm chi thủy.

KINH NGHIỆT LỖ NÃ VƯƠNG CHỦ PHÁP - *Tuệ Lâm soạn.*

Xà thích: Ngược lại âm trên thời già. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng, xà là loài rắn thân dài, uốn khúc cong lại cuộn tròn, cái đuôi và đầu giống nhau. Xưa viết chữ tha cũng là âm tha, thời thượng cổ chỗ ở của người ngoài hoang dã hoặc trong hang, thường là có rắn, cho nên cùng nhau hỏi rằng: có nó hay không? Để làm báo hiệu cho nhau trong kinh văn viết chữ xà này. Dịch Thư viết chữ biến thể, thời nay cũng thông dụng, ngược lại âm dưới thanh diệc. Lại âm xích cũng thông dụng.

Cúc tán: Ngược lại âm trên dẫn lục. Sách Khảo Thanh cho rằng: cúc là nhận lấy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ chữ hình thanh; ngược lại âm dưới san đán. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân ly, chữ từ bộ chi, thanh lâm âm lâm ngược lại âm tinh mại, lâm tức là phân tán, ý nói không sum hợp, thời nay chữ viết từ bộ nhục cũng đồng nghĩa, âm san ngược lại âm tang đan.

Vô thốc tiến: Ngược lại âm tông mộc. Sách Vận Thuyên cho rằng: đầu nhọn mũi tên. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: mũi tên nhọn mà nhẹ bằng kim loại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngược lại mũi tên cấm ngược lại; chữ viết từ bộ kim thanh tộc. Lại có âm khác nay đều không dùng.

Sóc độc: Ngược lại âm song tróc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sóc là một nghi thức liên kết đồng minh ngày xưa tức dùng máu của con vật được dùng để tế lễ bôi vào hai mép của những người ăn thề. Sách Thuyết Văn cho rằng: uống vào, chữ viết từ bộ khảm thanh thúc, âm sáp ngược lại âm sam giáp. Kinh văn viết từ bộ sóc viết thành chữ cóc là không thành chữ văn thông dụng thường hay dùng.

Huân hầu: Ngược lại âm trên là huy vận. Âm dưới là hầu, đây là loại chim cú mèo giống chim quái lạ, ban ngày thì nằm ẩn, ban đêm thì bay đi kêu rất đáng sợ, tiếng kêu rất to; giống như con diều hầu, thân

hình màu sấm, thân có vuốt nhọn như chim ưng, con mắt màu đỏ, sắc đồng không thể nhận được, bỗng nhiên có tiếng chim này kêu lên tất là phải có tai họa quái nạn. Sách Phương Ngôn cho rằng: âm chuyển đọc sai, vốn không có đỉnh tên huân hầu, huân cố và lấy âm khác là lưu lưu nghĩa cũng đồng là một loại chim, chưa rõ loại chim này đến nay xuất phát từ đâu.

Sái sí: Ngược lại âm trên là sở ải. Sách Thuyết Văn cho rằng: sái là phơi khô, chữ viết từ bộ nhựt thanh. Ngược lại âm dưới là thi nhị. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh chim; chữ viết từ bộ vũ thanh chi, hoặc là viết chữ sí này cũng đồng một nghĩa.

Tích linh: Âm trên là tích âm dưới là linh, cũng viết chữ tích linh đều đồng nghĩa loại chim.

PHÁP PHƯỢC CHIẾT LA ĐỐN MÃ

Não liệt: Ngược lại âm na đảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: tủy trên đầu; chữ viết từ bộ chủy thanh não, đồng với âm trên, chữ tượng hình, bộ xuyên giống như là tóc, dưới là tín âm tín, giống như trên đầu, không hợp như đứa trẻ, trên đầu còn mũ áo, nghĩa là xương chưa khép lại.

Tác kịch: Ngược lại âm kinh nghịch. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: kịch là rất quá lắm. Sách Vận Thuyên cho rằng: rất vui. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao thanh kịch, âm kịch là âm cự. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hổ, âm hổ là âm hồ, dưới từ bộ trĩ. Văn thường hay dùng viết từ bộ xứ viết thành chữ kịch này là sai.

Nhai trung: Ngược lại âm trên cách nhai. Sách Khảo Thanh ghi rằng: trong thành đô, thôn ấp, có những con đường thông suốt, bốn phía (ngã tư). Sách Thuyết Văn cho rằng: con đường lớn thông bốn phía, chữ viết từ bộ hành thanh giai.

Đả quắc: Ngược lại âm quả bá. Văn thường hay dùng có khi cũng dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể viết từ chữ cách thanh tĩnh. Quảng Nhã cho rằng: quắc là đánh. Bì Thương cho rằng: tát vào má. Cố Dã Vương cho rằng: nay tục ngữ gọi quắc nhĩ (tác một cái) là vậy. Chánh thể vốn là chữ hình thanh, rất có lý, vì trải qua từ xưa đến nay không dùng nhiều nếu cho có thể dựa theo lưu hành rất bằng cứ

vậy.

Họa diễm ma la bằng: Ngược lại âm long chư. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cây gậy lớn; chữ viết từ bộ mộc chữ hình thanh. Kinh văn viết từ chữ phụng viết thành chữ bổng. Tục tự cho rằng: không có căn cứ.

Phốc toái: Ngược lại âm trên lung tác. Sách Khảo Thanh cho rằng: bắt lấy đánh tát, ném vật, đưa cao lên ném xuống dưới đất. Quảng Nhã cho rằng: phốc là đánh. Tự Thư cho rằng: hai người đánh lộn với nhau. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh phốc, âm phốc là âm bốc.

Miên triền: Ngược lại âm tiên tiển. Văn thường hay dùng viết là tiển lữ nghĩa là sợi chỉ.

Oa loa: Ngược lại âm trên quả hoa. Cố Dã Vương cho rằng: oa là con ốc sên. Ngược lại âm dưới lực qua. Sách Tập Huấn ghi rằng: loa tức là ốc sên, lớn đó là ở trong biển, văn trước đã giải thích nhiều lần rồi.

PHÁP MA HÊ THỨ LA THIÊN THUYẾT CA LÂU LA VƯƠNG A VĨ XÀ

Yểm ký: Ngược lại âm ế diễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nốt ruồi đen; chữ viết từ bộ hắc, thanh yểm. Kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ yểm là chẳng phải.

Đậu thấu: Ngược lại âm khổng cấu. Bản thảo giải thích rằng: vị cay không có độc, có thể trị bệnh đau tim trong bụng cũng có thể trị bệnh đau tim trong bụng cũng có thể trị bệnh hôi miệng. Phần nhiều mọc ở Nam hải đất Giao chỉ. Mầm non của cây giống như cây bông huệ, hoa màu trắng, mầm rễ của cây và hạt của giống cũng giống cây đỗ nhược. Đây tức là cây táo có gai chua, có mùi vị rất cay mà mỗi lần ăn vào miệng nhai rất thơm khiến cho người ăn trong miệng thơm trị được bệnh đau tim, và cao huyết áp.

KINH VĂN THÙ SỰ LỢI CĂN BỔN ĐẠI GIÁC VƯƠNG KIM SÍ ĐIỀU VƯƠNG PHẨM

Long khiết: Ngược lại âm dưới nghiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: khiết là cắn, chữ viết từ bộ xỉ, thanh khiết, âm khiết ngược lại âm

khan bát. Kinh văn viết từ bộ khẩu, viết thành chữ khiết. Văn thường hay dùng cho rằng: rất là không có ý nghĩa.

Mạt hương: Ngược lại âm mẫn bát. Quảng Nhã cho rằng: mạt là bụi trần. Theo chữ mạt hương đó nghĩa là hòa hợp các mùi vị tiên là hương đảo. Lại cho rằng: đem rãi trong đạo tràng, bôi trên thân, tay, mặt và rãi trong áo gọi là mạt hương, bột thơm, người ngoại quốc thường dùng nhiều. Nước này cũng có dùng, kinh văn viết từ bộ mễ viết thành chữ mạt là chẳng phải.

Tiên sái: Ngược lại âm trên tiên tuyến. Tục tư và sách Khảo Thanh cho rằng: tiên là rãi nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ chánh thể viết từ bộ tán viết thành chữ tán. Tán là rãi nước trên mặt đất cho khỏi bụi dơ. Nay kinh đây dùng là rãi nước hương thơm sạch sẽ tinh khiết. Ngược lại âm dưới sa giả giải thích nghĩa cũng đồng như trên.

Siểm thược: Ngược lại âm trên khổ nhiễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái đầu né tránh trong cánh cửa, chữ hội ý cũng là chữ hình thanh; chữ viết từ bộ nhơn nghĩa là trong cánh cửa nhìn trộm, ngược lại âm dưới thương chước. Ý kinh nói rằng: siểm thược là không định.

Già nữ: Âm trên là già, âm dưới là sữ. Sách Khảo Thanh cho rằng: già là cái gông cùm, nữ là cái cùm chân. Đây ý nói là cố chấp, câu nệ, ràng buộc. Đây nói rằng: dụng cụ làm bằng gỗ có trong giới hạn gọi là già là gông tây, nữ là gông ở chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều đồng nghĩa cũng đều từ bộ mộc đều thanh da sữ.

Cập kiều: Ngược lại âm kiêu nghiêu. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: loài chim có tiếng kêu xấu ác, con cú vọ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điểu ở trong bộ mộc, chữ hội ý là loại chim ăn thịt mẹ, là loại chim bất hiếu, chẳng phải ý nghĩa đây dùng.

Ý dĩ: Âm trên là ý, âm dưới là dĩ. Cố Dã Vương cho rằng: ý dĩ tức hạt bo bo. Bản thảo giải thích rằng: tên của loại thuốc, ý dĩ có thể ăn mà bổ ích cho khí. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thảo thanh ý dĩ, viết đúng là chữ ý.

Độc lâu: Âm trên độc âm dưới là lâu.

Hà mô: Ngược lại âm trên hạ da. Ngược lại âm dưới mã ba. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tên các loài ếch nhái ễnh ương. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: hai chữ đồng nghĩa đều từ bộ trùng, đều thanh hà mạc, chữ mô viết đúng là chữ mô hoặc là viết chữ ma, kinh văn viết chữ ma cũng thông dụng thường hay dùng.

Điều linh: Ngược lại âm trên điểu liêu ngược lại âm dưới là lịch đình. Sách Khảo Thanh cho rằng: linh là cánh chim.

Huỳnh nhiều: Ngược lại âm trên y dinh. Ngược lại âm dưới nhiều thiếu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: huỳnh là vây bọc tròn, quấn quanh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi quanh quấn, chữ viết từ bộ mịch đến bộ uynh thanh tĩnh, âm nhiều là vây quanh buộc quấn quanh lại; chữ viết từ bộ mịch thanh nhiều.

Giản trạch: Ngược lại âm trên gian nhĩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: giản là phân biệt, tĩnh lược, giảm bớt; chữ viết từ bộ thúc thanh bát là phân ra. Kinh văn viết chữ giản này là chẳng phải, ngược lại âm dưới là trạch.

KINH PHẬT THUYẾT XUẤT SINH VÔ LƯỢNG MÔN TRÌ

Tuệ Lâm soạn.

Trùng các: Ngược lại âm trên xúc long, ngược lại âm dưới cang lạc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lầu các. Cố Dã Vương cho rằng: nhà có nhiều tầng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ môn thanh các.

Diêm vương: Ngược lại âm trên diêm tiêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: diêm là hoa lửa, danh hiệu Phật.

KINH VÔ LƯỢNG MÔN PHÁ MA ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ba bể: Ngược lại âm ba có, ngược lại âm dưới bổ mẽ; chữ khứ thanh, gọi âm dưới cũng đồng.

Nặc xà: Ngược lại âm trên ninh dật, ngược lại âm dưới: la nặc.

Át dật đế: Âm trên an hạt. Âm dật, ngược lại âm thính dật. Người xưa dịch sai dùng chữ không thích đáng.

Tha điển: Ngược lại âm trên tha cố, gọi là dẫn thanh.

Đốn thấp điển: Ngược lại âm trên lan hạt. Trong kinh văn đoạn viết di thoát thấp, chữ viết chuẩn bốn tiếng Phạn có.

Nhu kiệt đế: Ngược lại âm trên nô hầu, cũng là chữ nô âm mũi.

Si thị: Ngược lại âm trên xương duệ âm dưới thời.

Cừ huyền lễ: Ngược lại âm trên cường ngộ, ngược lại âm dưới đình duệ.

KINH A NA ĐÀ MỤC KHỬ NI HA LY ĐÀ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhai đễ: Ngược lại âm trên ngạch giai. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: nhai là bên ven bờ bến nước. Quảng Nhã cho rằng: khoảng đất vuông. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hán thanh giai. Ngược lại âm dưới đễ lễ. Đỗ Dự chú giải Mao Thi Truyện rằng: đễ là hết, tiêu hết. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: từ trên mà xuống tận dưới đáy sâu thẳm gọi là đễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ ngừng nghỉ một gọi là dưới, cuối cùng; chữ viết từ bộ nghiễm thanh đễ. Kinh văn viết chữ nhai huyền là chẳng phải.

Đê hòa: Âm hòa, người xưa tránh dùng chữ.

Quý di: Ngược lại âm trên qui vị. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: quĩ cũng giống như là qui. Sách Thuyết Văn cho rằng: đem vật dâng biếu tặng cho người, chữ viết từ bộ thực thanh qui. Kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ quĩ là chẳng phải, ngược lại âm dưới duy quĩ.

Vô ương: Ngược lại âm ước lương. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ương là hết dứt hết. Theo chữ vô ương đó là nói nhiều vô số không bao giờ hết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đại ở trong bộ quynh gọi là đại nhơn, đứng chính giữa. Bốn kinh viết chữ ương âm ương, (T559) ngược lại âm ương ngưỡng chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Bạt-đà-la: Ngược lại âm trên bàn mạt tiếng Phạn.

Trác-đà-vu: Ngược lại âm vũ ngưng, tiếng Phạn.

KINH XÁ LỢI PHÁT ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

Kỹ đễ: Ngược lại âm cư trĩ.

Đà nhị: Ngược lại âm vong tỳ.

Khả tự: Ngược lại âm cổ ngã.

KINH VÔ LƯỢNG MÔN VI MẬT TRÌ - *Huyền Ứng soạn.*

Phóng dật: Ngược lại âm dư chất. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ nước tiết ra, người buông thả bữa bãi, dâm dật, bữa bãi buông thả quá

mức. Kinh văn phần nhiều viết chữ dật này.

Nhiều dụ: Văn cổ viết chữ diển cũng đồng, ngược lại âm du cú.
Tên của vị thần.

KINH NHẤT HƯỚNG XUẤT SANH BỒ TÁT - *Huyền Ứng soạn.*

A-đàn: Lại viết chữ đản cũng đồng ngược lại âm đồ đàn.

Trác đế: Ngược lại âm sửu giác, hàng rào bằng cây. Lại âm: xoa bạch.

KINH A NAN MỤC KHỨ ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

A-chi: Ngược lại âm ly hỷ.

La tỳ: Ngược lại âm tý di.

Hy la: Ngược lại âm hướng cơ.

Át sạn: Ngược lại âm sĩ giản.

Đan di: Ngược lại âm đô nga.

KINH XUẤT SANH VÔ BIÊN MÔN ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Ký biệt: Ngược lại âm biến biệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thẩm xét việc tốt xấu, thiện ác, cũng viết chữ biệt. Trong văn kinh viết từ bộ thảo viết thành chữ biệt này e rằng sai lầm.

KINH PHẬT THUYẾT XUẤT SANH VÔ BIÊN MÔN

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH THẮNG TRÀNG TÝ ẤN ĐÀ LA NI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH ĐIỆU TÝ ẤN TRÀNG ĐÀ LA NI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH PHẬT THUYẾT VÔ NHAİ TẾ TRÌ PHÁP MÔN*Tuệ Lâm soạn.*

A-ca nhị trá thiên: Âm nhị ngược lại âm ni trí, tiếng Phạn cũng có viết chữ ni đó sai lầm nói gọi là ni.

Mậu ngô: Ngược lại âm trên mi cứu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu cũng giống như trốn tránh. Sách Phương Ngôn cho rằng: đối trá. Sách Khảo Thanh cho rằng: lừa dối, sai lầm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu âm mậu, ngược lại âm lực hựu, ngược lại âm dưới ngô cố.

Sào quật: Ngược lại âm trên sủ giao. Sách Lễ ký ghi rằng: mùa hạ ở trong hang ổ. Sách Sử ký ghi rằng: thời thượng cổ chỗ ở trong hang ổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chim đậu trên cây gọi là sào tức là tổ chim, chữ viết từ bộ mộc, chữ tượng hình, ngược lại âm dưới khôn cốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: quật là đào đất làm nhà. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ huyết thanh ốc, cũng viết chữ quật này nghĩa cũng đồng.

Kinh dị: Ngược lại âm đình lịch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dị là lo sợ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lo buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: kinh sợ; chữ viết từ bộ tâm thanh dị.

Môn mạc: Âm trên là môn, âm dưới là mạc. Theo Thanh loại cho rằng: môn cũng là mạc. Sách Phương Ngôn cho rằng: mạc là vỗ vỗ, an ủi, vỗ về. Cố Dã Vương cho rằng: mò tìm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ thủ, đều thanh môn mạc, âm tác ngược lại âm tang lạc.

Vân sừ: Ngược lại âm trên vận quân. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: vân là cây bừa làm cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ vân, âm đồng với âm trên, dụng cụ trừ bỏ cỏ mọc lộn chung với mạ non; chữ

viết từ bộ lỗi thanh viên, hoặc viết chữ vân. Bốn kinh viết chữ vân này là sai lầm, ngược lại âm dưới trợ tự. Cố Dã Vương cho rằng: sừ là cây cuốc dụng cụ làm ruộng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cây cuốc làm cỏ, chữ viết từ bộ kim đến thanh thư, âm thư ngược lại âm tử dư. Kinh văn viết chữ sừ là văn thường hay dùng, âm lỗi ngược lại âm lỗi đối.

Tạng ôi: Ngược lại âm trên trá lãng. Ngược lại âm dưới ô hồi. Đồ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ôi là chỗ eo hẹp bị che kín. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ cong, nước xoáy; chữ viết từ bộ phụ thanh ôi.

Siểm mị: Ngược lại âm trên sĩ nhiễm. Sách Trang Tử cho rằng: lời nói hiểm có ý đạo gọi là siểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nịnh hót; chữ viết từ bộ ngôn thanh diêm, hoặc là viết chữ siểm này, ngược lại âm dưới là nghề kế. Quảng Nhã cho rằng: mị cũng giống như là kinh sợ. Theo Thanh Loại cho rằng: không biết mà nói càn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói mê; chữ viết từ bộ mục thanh mị âm mị là âm tùy.

Luy hình: Ngược lại âm trên luy truy.

Quyển thuộc: Ngược lại âm trên quyết nguyện, ngược lại âm dưới thù dục.

Lâu lỗ: Ngược lại âm tận đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỗ là cái lan can; chữ viết từ bộ mộc thanh lỗ, hoặc là viết chữ lỗ này.

Ty nghề: Ngược lại âm thất nghiệt âm dưới nghề kế. Sách Khảo Thanh cho rằng: ty nghề đó là người con gái đứng bên vách tường trên thành cao; chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ tích nghề hoặc là viết từ bộ mục viết thành chữ ty nghề nghĩa đều đồng.

Lan thuần: Ngược lại âm trên: cố hàn, ngược lại âm dưới thần chuẩn.

KINH HOA TỰ ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

La hòa: Ngược lại âm hồ qua. Kinh văn viết chữ hòa lợi là chẳng phải.

Lận đế: Ngược lại âm hư kỷ.

Chí nã: Ngược lại âm lạt nhất.

KINH TÔN THẮNG BỒ TÁT ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

Thị đàm: Ngược lại âm chi thị.
 Mục chỉ: Ngược lại âm khâu cổ.
 Già ninh: Ngược lại âm nô định.
 A-chiêm: Ngược lại âm xỉ diêm.
 A khải thù thất: Ngược lại âm nãi kiết.
 Hê hân: Ngược lại âm ô lễ.
 Sa ly: Ngược lại âm lực tư.
 A-đàn: Lại viết chữ đĩnh cũng đồng ngược lại âm tha điển.

KINH PHẬT THUYẾT SƯ TỬ PHẤN TẤN BỒ TÁT SỎ VẤN
Tuệ Lâm soạn.

Phấn tấn: Ngược lại âm trên phân vấn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: phấn là lay động. Tự thư cho rằng: bay lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: bay cao; chữ viết từ bộ truy dưới là bộ điền, chữ hội ý. Âm truy là âm tuy, âm huy là âm huy ngược lại âm dưới tuân tuấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: tấn là mau chóng; chữ viết từ bộ xước thanh tấn, âm tấn là âm tín.

KINH KIM CANG THƯỢNG SĨ ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Điệt tương: Ngược lại âm trên điền kiết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thay phiên nhau. Sách Phương Ngôn cho rằng: thay thế. Sách Thuyết Văn cũng rằng: đồng nghĩa; chữ viết từ bộ xước thanh điệt.
 Bảo khiếp: Ngược lại âm kiêm điệp.
 Toàn hỏa: Ngược lại âm trên toàn toan. Trịnh Tiển chú giải sách Luận ngữ rằng: toàn là khắc, chạm trổ, đục. Sách Thuyết Văn cho rằng: đục xuyên qua; chữ viết từ bộ kim thanh toàn, âm thuyên, ngược lại âm tử huyền.
 Hữu toại: Ngược lại âm tùy túy. Theo Thanh loại cho rằng: toại là dụng cụ lấy lửa từ mặt trời. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh toại cũng viết chữ toại này, hoặc là cũng viết chữ toại này đều đồng nghĩa.

Hoạch thang: Ngược lại âm trên hoàng hoạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoạch là giống như cái đỉnh mà không có chân, là cái nổi để nấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc cái đỉnh, nổi đồng; chữ viết từ bộ kim thanh hoạch. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ hoạch này chẳng phải âm hoạch ngược lại âm hệ phước.

KINH PHẬT THUYẾT LỤC TỰ CHÚ VƯƠNG - *Tuệ Lâm soạn.*

Hoảng hốt: Ngược lại âm trên hưởng vãng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hoảng là thất ý. Sách Thuyết Văn cho rằng: cuống cuống, lúnh quýnh; chữ viết từ bộ tâm thanh huynh. Kinh văn viết chữ hoảng hốt là mất nơi ý nghĩa, nghĩa là thất vọng.

Tứ kích: Ngược lại âm nhiều khiêu, cũng viết từ bộ xích viết thành chữ kích.

Sàng phu: Trên đúng là chữ sàng này. Ngược lại âm dưới phổ bố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phu là trải bày ra sắp ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh phu. Kinh văn viết từ bộ viết thành chữ phu là chẳng phải.

Bạch điệp tiến: Ngược lại âm tiên tiến. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: tiến là sơi chỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tiến. Kinh văn viết chữ diên âm diên là chẳng phải.

KINH PHẬT THUYẾT LỤC TỰ CHÚ VƯƠNG

(Văn, chữ, âm khoảng chừng đồng bốn trước,
đây không tái dịch - Tuệ Lâm soạn.)

KINH KIM CANG TRÀNG ĐÀ LA NI

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

KINH NHƯ LAI PHƯƠNG TIỆN THIÊN XẢO - *Huyền Ứng soạn.*

Bồi đa: Ngược lại âm bổ hầu.

Ma bễ: Ngược lại âm Phổ mê.

Hy lệ: Ngược lại âm trên hồ kỷ. Lại âm hồ ký hai âm.

Phong khư: Lại viết chữ chữ khư này cũng đồng. Ngược lại âm khâu ngộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây răng bị sâu ăn. Thích Danh cho rằng: cây răng hư mục, chữ hình thanh.

KINH HOA TÍCH ĐÀ LA NI - *Huyền Ứng soạn.*

Mâu ni: Ngược lại âm mẫu hồ.

Tất đệ: Ngược lại âm lặc kỳ.

Y ha: Ngược lại âm ư kế.

Ha lệ: Ngược lại âm lực nhĩ. Kinh văn viết chữ lệ này là chẳng phải.

Chí đễ: Ngược lại âm sung thi.

Xa nễ: Ngược lại âm trúc da âm dưới nô lễ.

KINH PHẬT THUYẾT TRÌ CÚ THẦN CHÚ

(Không có chữ giải thích âm.)

KINH PHẬT THUYẾT ĐÀ LA NI BÁT - *Tuệ Lâm soạn.*

Câu tằm: Ngược lại âm dưới: tạp hàm tiếng Phạn.

Xà ngoan: Trên đúng là chữ xà này, ngược lại âm xã giá, ngược lại âm dưới ngũ hoàn.

Phúc yết: Ngược lại âm trên phong phúc, ngược lại âm dưới hiên yết.

